TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **303**/2023/QĐST-HNGĐ

Quận H, ngày 24 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số **631**/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc: ***Tranh chấp ly hôn*** giữa:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thanh H** - sinh năm 1971;
HKTT: Số 72B-B14, Q, phường Q, quận H, thành phố H; nơi ở: P.306, nhà A, khu tập thể Ngân hàng trung ương, ngõ 96 phố V, phường T, quận H, thành phố H.
Bị đơn: Ông **Lê Thanh H** - sinh năm 1969;
HKTT: Số 72B-B14, Q, phường Q, quận H, thành phố H; nơi ở: P.306, nhà A, khu tập thể Ngân hàng trung ương, ngõ 96 phố V, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số **326**/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng ngày 16/5/2023 của bà Trần Thị Thanh Hương;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16/5/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Thanh H và ông Lê Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số **49**, quyển số 05 ngày 10/6/1993 do UBND phường Quỳnh L, quận H, thành phố H cấp cho bà Trần Thị Thanh H và ông Lê Thanh H không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Xác nhận bà H và ông H có 02 con chung là: Lê Mạnh H – sinh năm 1993 (Nam) và Lê Thạch T - sinh năm 2004 (Nữ), đều đã thành niên.

2.2. Về tài sản chung: Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc phân chia tài sản chung vợ chồng do bà Trần Thị Thanh H có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

2.3. Về án phí:

2.3.1. Án phí hôn nhân và gia đình: Bà H, ông H mỗi người phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn*) án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H chịu cả phần án phí thay cho ông H nên bà H phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận bà H đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/**0012923** ngày 08/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H. Nay bà H được hoàn trả số tiền là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

2.3.2. Án phí chia tài sản chung vợ chồng: H trả bà Trần Thị Thanh H toàn bộ số tiền 56.259.750 đồng *(Năm mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn, bảy trăm năm mươi đồng)* tạm ứng án phí về chia tài sản chung bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/**0013130** ngày 03/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H.

Tổng số tiền án phí bà Trần Thị Thanh H được hoàn trả là 56.409.750 đồng (*Năm mươi sáu triệu, bốn trăm linh chín nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố H;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- UBND phường Q, quận H, TP Hà Nội (Số 49, quyển số 05, ngày 10/6/1993);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Đặng Hoàng P